

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành các biện pháp tăng cường ngăn chặn các hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm ngày 26/7/2003 và Nghị định số 163/2004/NĐ-CP ngày 07/9/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 79/2008/NĐ-CP ngày 18/7/2008 của Chính phủ quy định hệ thống tổ chức quản lý, thanh tra và kiểm nghiệm về vệ sinh an toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 31/2010/NĐ-CP ngày 29/3/2010 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định các biện pháp tăng cường ngăn chặn các hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất (bao gồm các hoạt động như thu mua, bảo quản, vận chuyển, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tôm có tạp chất); trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong kiểm tra, ngăn chặn các hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất.

Điều 2. Thuật ngữ

Trong Quy định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tạp chất* là chất không phải là thành phần tự nhiên của tôm, được cố ý đưa vào thủy sản nhằm mục đích gian dối kinh tế (làm tăng khối lượng, làm thay đổi kết cấu, lừa dối cảm giác về độ tươi ...) ngoại trừ các phụ gia phục vụ mục đích của công nghệ chế biến theo qui định hiện hành.

2. *Đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu* là hoạt động ngâm, tẩm, ướp, nhồi nhét, bơm chích tạp chất vào tôm nguyên liệu.

Điều 3. Các biện pháp tăng cường ngăn chặn các hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất

1. Cơ quan kiểm tra cấp trung ương và địa phương thực hiện kiểm tra đột xuất các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm nhằm ngăn chặn các hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất theo phân công quy định tại Điều 5 Quy chế kiểm tra và công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ban hành kèm Quyết định số 117/2008/QĐ-BNN ngày 11/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (sau đây gọi tắt là Quy chế 117).

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thành lập các Đoàn kiểm tra việc triển khai các biện pháp ngăn chặn tạp chất tại các địa phương và kiểm tra đột xuất các tụ điểm “nóng” có hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất.

3. Áp dụng các chế tài xử lý vi phạm hành chính theo Nghị định số 31/2010/NĐ-CP ngày 29/3/2010 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản và các qui định pháp luật khác có liên quan đối với các hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất. Ngoài ra áp dụng bổ sung các hình thức sau:

a) Công khai thông tin về các cơ sở vi phạm lên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài phát thanh, truyền hình, website,...) của trung ương và địa phương trong trường hợp cơ sở bị cơ quan chức năng phát hiện vi phạm lần đầu trong thời gian từ 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) tháng tùy theo tính chất hành vi vi phạm.

b) Đình chỉ hiệu lực công nhận đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các cơ sở tái phạm hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất từ 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tùy theo tính chất hành vi vi phạm.

4. Điều kiện để xem xét hủy bỏ các hình thức xử lý vi phạm bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định này:

a) Cơ sở được xem xét rút tên khỏi danh sách các cơ sở bị công khai hành vi vi phạm lần đầu trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Quyết định này nếu đáp ứng các điều kiện sau:

i. Trong thời gian bị công khai hành vi vi phạm, cơ sở đã được Cơ quan kiểm tra cấp trung ương, địa phương kiểm tra cơ sở ít nhất 03 (ba) lần trong thời gian 03 (ba) tháng hoặc ít nhất 05 (năm) lần trong thời gian 06 (sáu) tháng tùy theo tính chất hành vi vi phạm và kết quả các lần kiểm tra không phát hiện hành vi vi phạm.

ii. Cơ sở có báo cáo và đề nghị rút tên khỏi danh sách các cơ sở bị công khai hành vi vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng gửi Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản hoặc Cơ quan Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản tỉnh, thành phố.

b) Cơ sở được khôi phục hiệu lực công nhận đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm sau thời gian bị đình chỉ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Quyết định này: Cơ sở đăng ký và được kiểm tra công nhận đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo đúng quy định tại Quy chế 117.

Điều 4. Cơ chế khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh tuân thủ tốt các quy định ngăn chặn hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất

1. Chế độ giảm kiểm tra đối với lô tôm:

a) Miễn kiểm tra theo trình tự thủ tục quy định tại Thông tư 78 đối với các lô tôm được miễn lấy mẫu kiểm nghiệm theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư 78/2009/BNNPTNT ngày 10/12/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Thông tư 78).

b) Điều kiện để được xem xét áp dụng chế độ giảm kiểm tra đối với lô tôm:

i. Cơ sở không vi phạm các hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất tính đến thời điểm Quyết định số 1422/QĐ-BNN-QLCL ngày 28/5/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có hiệu lực, hoặc;

ii. Cơ sở không tái phạm trong thời gian 03 (ba) tháng kể từ ngày được rút tên khỏi danh sách các cơ sở bị công khai hành vi vi phạm lần đầu trên các phương tiện thông tin đại chúng, hoặc;

iii. Cơ sở không tái phạm trong thời gian 06 (sáu) tháng sau khi được khôi phục hiệu lực công nhận đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 Quyết định này.

c) Hủy bỏ chế độ giảm kiểm tra đối với lô tôm, nếu cơ sở vi phạm các hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu hoặc sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất.

2. Định kỳ 03 (ba) tháng thống kê, công bố kết quả kiểm tra các cơ sở theo quy định tại Quyết định này trên website của Cơ quan kiểm tra và các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 5. Xử lý đối với lô tôm có chứa tạp chất

1. Buộc tiêu hủy lô tôm có tạp chất gây nguy hại đến sức khỏe con người, thành phần có chứa những chất không được phép sử dụng trong thực phẩm, tạp chất không rõ thành phần.

2. Trường hợp lô tôm có chứa tạp chất, nhưng không thuộc diện phải tiêu hủy thì xử lý như sau:

a) Loại bỏ tạp chất và xử lý nhiệt tại các cơ sở chế biến thủy sản được Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản chấp thuận và cập nhật, thông báo trên website của Cục;

b) Trong trường hợp không loại bỏ được tạp chất thì phải chuyển mục đích sử dụng và không được sử dụng làm thực phẩm.

3. Cơ quan quản lý chất lượng Nông lâm thủy sản tỉnh, thành phố phối hợp với Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan chức năng tại địa phương có trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình tiêu hủy hoặc xử lý lô tôm có chứa tạp chất.

4. Biên bản xử lý lô tôm có tạp chất phải nêu rõ chi tiết lô hàng vi phạm (khối lượng, chủng loại, chủ sở hữu), loại tạp chất bị phát hiện, hình thức xử lý lô hàng. Nếu đại diện cá nhân, tổ chức không đồng ý ký tên vào Biên bản xử lý lô tôm có tạp chất thì Biên bản vẫn có giá trị pháp lý khi có đầy đủ chữ ký của Cơ quan quản lý chất

lượng Nông lâm thủy sản tỉnh, thành phố, Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan chức năng tại địa phương.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ sở thu mua, sơ chế, bảo quản, vận chuyển thủy sản

1. Tự kiểm tra tạp chất trong tất cả các lô tôm trước khi thu mua, tiếp nhận. Giữ nguyên hiện trạng lô tôm phát hiện có tạp chất và báo cáo kịp thời cho cơ quan chức năng tại địa phương đến xử lý. Cung cấp các thông tin có liên quan về lô hàng cho cơ quan chức năng để xử lý.

2. Có trách nhiệm phối hợp, tạo mọi điều kiện thuận lợi để cơ quan chức năng thực hiện công tác kiểm tra tại cơ sở.

3. Ghi chép và lưu trữ hồ sơ có liên quan đến các lô tôm như: tên và địa chỉ người bán và người mua, chủng loại, số lượng, kết quả kiểm tra tạp chất của các lô tôm khi thu mua, tiếp nhận và cung cấp cho cơ quan chức năng khi có yêu cầu; có quy định về dấu hiệu nhận diện đối với lô tôm đã được kiểm tra và lô tôm chưa được kiểm tra.

4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm, chấp hành các biện pháp xử lý và chịu mọi chi phí theo quy định pháp luật hiện hành nếu bị cơ quan chức năng phát hiện lô tôm có tạp chất trong phạm vi khuôn viên của cơ sở trong các trường hợp sau:

a) Lô tôm có chứa tạp chất bị phát hiện tại (các) công đoạn sản xuất của cơ sở;

b) Lô tôm có chứa tạp chất bị phát hiện tại khu vực tập kết nguyên liệu đã được cơ sở kiểm tra, tiếp nhận;

c) Lô tôm có chứa tạp chất bị phát hiện tại khu vực tập kết nguyên liệu chưa được cơ sở kiểm tra, tiếp nhận (có dấu hiệu nhận diện lô tôm chưa được kiểm tra) nhưng cơ sở không xác định được chủ sở hữu lô tôm tại thời điểm bị phát hiện;

d) Lô tôm có chứa tạp chất bị phát hiện ngoài các khu vực nêu tại điểm a, b, c khoản này.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ sở chế biến thủy sản

1. Cập nhật vào Chương trình quản lý chất lượng của cơ sở các nội dung sau:

a) Lập sổ nhật ký ghi lại thông tin về các lô tôm nguyên liệu được đưa vào khuôn viên của cơ sở (thời điểm, ngày, tháng, tên chủ hàng, địa chỉ chủ hàng, số lượng, chủng loại);

b) Tự kiểm tra tạp chất trong tất cả các lô tôm trước khi thu mua, tiếp nhận;

c) Quy định khu vực tập kết nguyên liệu đã kiểm tra tạp chất và chưa kiểm tra tạp chất trong khuôn viên cơ sở (khu vực cố định và có biển báo); thiết lập thủ tục ghi chép và lưu trữ hồ sơ kiểm soát nguyên liệu tại từng khu vực tập kết nguyên liệu: tên và địa chỉ chủ sở hữu lô tôm nguyên liệu hoặc người bán; thời điểm tiếp nhận (giờ, ngày, tháng); chủng loại; số lượng; kết quả kiểm tra tạp chất của các lô tôm sau khi thu mua, tiếp nhận.

2. Giữ nguyên hiện trạng lô tôm cơ sở phát hiện có tạp chất và báo cáo kịp thời cho cơ quan chức năng tại địa phương đến xử lý. Cung cấp các thông tin có liên quan về lô hàng cho cơ quan chức năng để xử lý.

3. Có trách nhiệm phối hợp, tạo mọi điều kiện thuận lợi để cơ quan chức năng thực hiện công tác kiểm tra tại cơ sở.

4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm, chấp hành các biện pháp xử lý và chịu mọi chi phí theo quy định pháp luật hiện hành nếu cơ quan chức năng phát hiện lô tôm có tạp chất trong phạm vi khuôn viên của cơ sở trong các trường hợp sau:

a) Lô tôm có chứa tạp chất bị phát hiện tại (các) công đoạn sản xuất của cơ sở;

b) Lô tôm có chứa tạp chất bị phát hiện tại khu vực tập kết nguyên liệu đã được cơ sở kiểm tra, tiếp nhận (khu vực cố định và có biển báo);

c) Lô tôm có chứa tạp chất bị phát hiện tại khu vực tập kết nguyên liệu chưa được cơ sở kiểm tra, tiếp nhận (khu vực cố định và có biển báo) nhưng cơ sở không xác định được chủ sở hữu lô tôm tại thời điểm bị phát hiện;

d) Lô tôm có chứa tạp chất bị phát hiện ngoài các khu vực nêu tại điểm a, b, c khoản này.

Điều 8. Trách nhiệm của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản

1. Xây dựng, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tài liệu kỹ thuật về kiểm tra, phát hiện tạp chất trong tôm nguyên liệu.

2. Hàng năm, chủ trì và phối hợp với các Cơ quan quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động liên quan đến kiểm soát tạp chất trong tôm nguyên liệu kèm theo dự trù kinh phí trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

3. Hướng dẫn cơ quan quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh, thành phố về nội dung tuyên truyền; tổ chức đào tạo phương pháp kiểm tra, phát hiện tạp chất trong tôm nguyên liệu cho cán bộ các Cơ quan quản lý chất lượng nông lâm thủy sản tỉnh, thành phố, cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm.

4. Tổ chức các đoàn kiểm tra đột xuất các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm nhằm phát hiện các hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất trong phạm vi được phân công quy định tại Điều 5 Quy chế 117.

5. Công khai thông tin về các trường hợp vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đình chỉ hiệu lực công nhận đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thủy sản; đình chỉ xuất khẩu vào các thị trường có yêu cầu chứng nhận bởi Cục đối với cơ sở tái phạm quy định này trong phạm vi được phân công quy định tại Điều 5 Quy chế 117.

6. Cập nhật, thông báo trên website của Cục danh sách các cơ sở chế biến thủy sản được chấp thuận xử lý nhiệt đối với các lô tôm đã loại bỏ tạp chất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

7. Thống kê, công bố kết quả kiểm tra các cơ sở theo quy định tại Quyết định này trên website của Cục và các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài phát thanh, truyền hình, website).

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố

1. Chỉ đạo Cơ quan quản lý chất lượng nông lâm thủy sản trực thuộc xây dựng kế hoạch kiểm tra đột xuất, ngăn chặn hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất kèm dự trù kinh phí thực hiện; thẩm định kế hoạch và trình UBND tỉnh, thành phố phê duyệt.

2. Chỉ đạo Cơ quan quản lý chất lượng nông lâm thủy sản trực thuộc phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan, các tổ chức đoàn thể, hội nghề nghiệp, báo, đài địa phương tổ chức các hoạt động phổ biến tuyên truyền về tác hại của tạp chất, quy định về kiểm tra, ngăn chặn và xử lý hành chính các hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất.

3. Chỉ đạo Cơ quan quản lý chất lượng Nông lâm thủy sản các tỉnh, thành phố kiểm tra đột xuất phát hiện các hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất trên địa bàn các tỉnh, thành phố.

4. Tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố thành lập Ban chỉ đạo phòng chống, ngăn chặn hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh, vận chuyển sản phẩm tôm có tạp chất.

Điều 10. Trách nhiệm của Cơ quan Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản các tỉnh, thành phố

1. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, ngăn chặn tạp chất hàng năm kèm theo dự trù kinh phí thực hiện trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức phổ biến, tuyên truyền cho các đối tượng có liên quan (chủ đầm nuôi, cơ sở thu mua, sơ chế, đại lý thu mua, cơ sở chế biến thủy sản) về tác hại của tạp chất và các quy định của Nhà nước về kiểm tra, ngăn chặn hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất; tổ chức đào tạo về phương pháp kiểm tra, phát hiện tạp chất trong thủy sản.

3. Thực hiện kiểm tra phát hiện tạp chất trong thủy sản theo phương pháp do Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. Trong trường hợp cần khẳng định loại tạp chất có trong tôm, tiến hành lấy mẫu gửi đến Phòng Kiểm nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định để kiểm tra.

4. Kiểm tra đột xuất các cơ sở thu mua, sơ chế trong phạm vi được phân công; kịp thời phát hiện tụ điểm bơm chích tạp chất; phối hợp với cơ quan chức năng địa phương xử lý các trường hợp vi phạm.

5. Đình chỉ hiệu lực công nhận đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với cơ sở tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần trong phạm vi được phân công quy định tại Điều 5 Quy chế 117; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép sản xuất, kinh doanh đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản trên địa bàn tỉnh, thành phố tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần.

6. Thông báo công khai các trường hợp vi phạm trên địa bàn tỉnh, thành phố và thống kê kết quả kiểm tra các cơ sở theo quy định tại Quyết định này trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài phát thanh, truyền hình).

Điều 11. Trách nhiệm của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP)

1. Khẩn trương triển khai Chương trình Doanh nghiệp nói không với tạp chất: không thu mua, không chế biến, không xuất khẩu sản phẩm tôm có chứa tạp chất; tuyên truyền, ký cam kết không đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu, không thu mua, bảo quản, vận chuyển, sơ chế và chế biến sản phẩm tôm có tạp chất; kịp thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện các hành vi vi phạm.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác phòng chống, ngăn chặn hành vi đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu và sản xuất, kinh doanh sản phẩm tôm có tạp chất.

3. Đưa lên Website của Hiệp hội các trường hợp các hội viên vi phạm qui định này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1422/QĐ-BNN-QLCL ngày 28/5/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản và thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức cá nhân liên quan đến sản xuất, kinh doanh thực phẩm thủy sản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong thời gian thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Như điều 12;
- Lãnh đạo Bộ;
- Bộ Công An, Bộ Công Thương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, QLCL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Lương Lê Phương